

NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Bản chất của hiện tượng tâm lý người. Từ những hiểu biết về bản chất tâm lý người, ứng dụng vào trong cuộc sống.

“Tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể, tâm lý người có bản chất xã hội và mang tính lịch sử”.

Tâm lý là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể

Tâm lý người có bản chất xã hội

- *Tâm lý người có nguồn gốc từ hiện thực khách quan*, trong đó cuộc sống xã hội là cái quyết định tâm lý con người, thể hiện qua các mối quan hệ kinh tế xã hội, quan hệ đạo đức pháp quyền, quan hệ làng xóm, giữa con người với nhau,... Các mối quan hệ này quyết định bản chất tâm lý. Nếu thoát ly khỏi các mối quan hệ này, con người sẽ mất bản tính người, hoặc rối loạn, hoặc tâm lý phát triển không bình thường.

- *Tâm lý người có nội dung xã hội*: Tâm lý người là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp của con người trong các quan hệ xã hội, vì thế tâm lý người mang đầy dấu ấn xã hội – lịch sử mà trong đó con người là một thành viên sống và hoạt động.

Tâm lý người mang tính lịch sử

- Tâm lý của mỗi cá nhân là kết quả của quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm xã hội, nền văn hóa xã hội thông qua hoạt động, giao tiếp trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo, hoạt động và mối quan hệ giao tiếp của con người trong xã hội có tính quyết định.

- Tâm lý của mỗi người hình thành, phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng mà người đó là thành viên. Tâm lý của mỗi người bị chế ước bởi lịch sử cá nhân và cộng đồng.

Ứng dụng

- Tâm lý người mang tính chủ thể, vì thế trong dạy học, giáo dục cũng như trong quan hệ ứng xử phải chú ý nguyên tắc sát đối tượng.

- Tâm lý người có tính lịch sử, vì vậy phải có quan điểm lịch sử khi đánh giá tâm lý con người.

2. So sánh

2.1. Nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính. Mối quan hệ giữa chúng

* Giống nhau:

- Điều là quá trình tâm lý nên có mở đầu, diễn biến và kết thúc một cách tương đối rõ ràng..
- Chỉ phản ánh thuộc tính bên ngoài của sự vật, hiện tượng.
- Phản ánh hiện thực khách quan một cách trực tiếp.
- Điều có ở động vật và con người

*Khác nhau:

- Nhận thức cảm tính: Là giai đoạn đầu tiên của quá trình nhận thức. Đó là giai đoạn con người sử dụng các giác quan để tác động vào sự vật nhằm nắm bắt sự vật ấy. Nhận thức cảm tính gồm các hình thức sau: cảm giác, tri giác, biểu tượng. Hạn chế của nó là chưa khẳng định được những mặt, những mối

liên hệ bản chất, tất yếu bên trong của sự vật. Để khắc phục, nhận thức phải vươn lên giai đoạn cao hơn, giai đoạn lý tính.

- Nhận thức lý tính: là giai đoạn phản ánh gián tiếp trừu tượng, khái quát sự vật, được thể hiện qua các hình thức như khái niệm, phán đoán, suy luận.

Mối quan hệ giữa nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính

Nhận thức cảm tính và lý tính không tách bạch nhau mà luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Không có nhận thức cảm tính thì không có nhận thức lý tính. Không có nhận thức lý tính thì không nhận thức được bản chất thật sự của sự vật.

2.2. Tình cảm và nhận thức. Mối quan hệ giữa chúng

***Giống nhau:**

- Điều phản ánh hiện thực khách quan: nghĩa là nó chỉ phản ánh khi có hiện thực khách quan tác động vào mới có tình cảm và nhận thức.

- Điều mang tính chủ thể: nghĩa là tình cảm và nhận thức đều mang những đặc điểm riêng của mỗi người: cùng một vấn đề nhưng đặt vào mỗi người khác nhau thì có những nhận thức và bộc lộ tình cảm khác nhau. Cùng một vấn đề nhưng trong những hoàn cảnh khác nhau thì cũng có những nhận thức và bộc lộ những tình cảm khác nhau.

- Điều mang bản chất xã hội: ví dụ trong thời kì phong kiến qui định cha mẹ đặt đâu con ngồi đó, cấm đoán đôi lứa yêu nhau. Vì vậy mọi người đều nhận thức như vậy và tuân theo, những đôi lứa yêu nhau được cho là sai và bị mọi người kì thị, cấm đoán

***Khác nhau:**

Nhận thức		Tình cảm
Phạm vi phản ánh	Rộng hơn, phản ánh tất cả sự vật hiện tượng trong HTKQ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến con người ở các mức độ hiểu nông sâu khác nhau.	Hẹp hơn, mang tính lựa chọn, chỉ phản ánh những sự vật hiện tượng có liên quan tới sự thỏa mãn hay không thỏa mãn nhu cầu động cơ của con người.
Đối tượng phản ánh	Phản ánh các thuộc tính của sự vật hiện tượng từ những thuộc tính bên ngoài đến thuộc tính bản chất và những mối quan hệ mang tính quy luật của sự vật hiện tượng.	Phản ánh mối quan hệ giữa các sự vật hiện tượng với nhu cầu, động cơ của con người.
Phương thức phản ánh	Phản ánh HTKQ dưới hình thức những hình ảnh, biểu tượng, khái niệm.	Phản ánh HTKQ dưới hình thức những rung động, trải nghiệm của con người.
Mức độ thể hiện tính	Không rõ nét vì phản ánh chính	Rõ nét, sâu sắc vì chỉ phản ánh

chủ thể	bản thân sự vật hiện tượng, không bóp méo sự vật hiện tượng mà thể hiện mức độ hiểu nông sâu khác nhau.	những gì liên quan đến nhu cầu, động cơ mà nhu cầu, động cơ mỗi người khác nhau => tình cảm khác nhau.
Quá trình hình thành	Nhanh chóng hình thành khi có kích thích và cũng nhanh chóng mất đi.	Lâu dài, phức tạp, đó là quá trình khái quát hóa, tổng hợp hóa, động hình hóa các xúc cảm đồng loại, khi đã hình thành rồi rất ổn định, khó mất đi.

Mối quan hệ giữa tình cảm và nhận thức:

Đối với nhận thức, tình cảm là động lực mạnh mẽ thúc đẩy, chi phối nhận thức, có lúc tình cảm có thể làm biến đổi sản phẩm của nhận thức. Ngược lại, nhận thức là cơ sở của tình cảm, chi phối tình cảm, nhận thức càng đúng đắn bao nhiêu thì tình cảm càng sâu sắc và bền vững bấy nhiêu

=> Có thể nói, nhận thức và tình cảm là 2 mặt của 1 vấn đề nhân sinh quan thống nhất của con người.

2.3. Xúc cảm và tình cảm. Mối quan hệ giữa chúng

*Giống nhau:

- Đều do hiện thực khách quan tác động lên tác nhân mà có, đều biểu thị thái độ của con người đối với hiện thực.

- Đều mang tính chất lịch sử xã hội
- Đều mang đậm màu sắc cá nhân

*Khác nhau:

Tình cảm	Xúc cảm
Chỉ có ở con người	Có ở con người và động vật
Là thuộc tính tâm lý	Là quá trình tâm lý
Xuất hiện sau	Xuất hiện trước
Có tính chất ổn định và xác định, khó hình thành và khó mất đi	Có tính chất tạm thời, đa dạng, phụ thuộc vào tình huống
Thường ở trạng thái tiềm tàng	Thường ở trạng thái hiện thực
Thực hiện chức năng xã hội: hình thành mối quan hệ tình cảm giữa người với người	Thực hiện chức năng sinh học: Giúp cho người và động vật tồn tại được
Gắn liền với phản xạ có điều kiện: Có được tình cảm phải trải qua quá trình tiếp xúc, hình thành tình cảm	Gắn liền với phản xạ không điều kiện

Mối quan hệ giữa xúc cảm và tình cảm:

Đối với nhận thức, tình cảm là động lực mạnh mẽ thúc đẩy, chi phối nhận thức, có lúc tình cảm có thể làm biến đổi sản phẩm của nhận thức. Ngược lại, nhận thức là cơ sở của tình cảm, chi phối tình cảm, nhận thức càng đúng đắn bao nhiêu thì tình cảm càng sâu sắc và bền vững bấy nhiêu.

=> Có thể nói, nhận thức và tình cảm là 2 mặt của 1 vấn đề nhân sinh quan thống nhất của con người.

3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách: Hoạt động (tự ý thức, rèn luyện); Môi trường sống

Hoạt động

- Hoạt động là phương thức tồn tại của con người là nhân tố quyết định trực tiếp sự hình thành và phát triển nhân cách.

- Thông qua hai quá trình đối tượng hóa và chủ thể hóa trong hoạt động mà nhân cách được bộc lộ và hình thành.

- Sự hình thành và phát triển nhân cách mỗi người phụ thuộc vào hoạt động chủ đạo ở mỗi thời kì nhất định.

Tóm lại, hoạt động có vai trò quyết định trực tiếp đến sự hình thành và phát triển nhân cách. Vì vậy, trong công tác giáo dục cần chú ý việc tổ chức hoạt động phong phú, hấp dẫn cả về nội dung lẫn hình thức để lôi cuốn cá nhân tham gia tích cực, tự giác. Đặc biệt cần chú ý tổ chức hoạt động chủ đạo ở mỗi lứa tuổi.

Môi trường

Môi trường tự nhiên không có vai trò chủ đạo nhưng cũng góp phần hình thành nên nhân cách con người.

Trong sự hình thành và phát triển nhân cách của con người, môi trường xã hội có vai trò quan trọng đặc biệt vì nếu không có xã hội loài người thì những tư chất có tính người cũng không phát triển được, vì nhân cách là một sản phẩm của xã hội.

Như vậy, sự hình thành và phát triển nhân cách chỉ có thể được thực hiện trong môi trường xã hội loài người. Môi trường đó góp phần tạo nên mục đích, động cơ, phương tiện và điều kiện cho hoạt động giao lưu của cá nhân, mà nhờ đó cá nhân chiếm lĩnh được các kinh nghiệm xã hội loài người để hình thành và phát triển nhân cách của mình.

Tuy nhiên, tính chất và mức độ ảnh hưởng của môi trường đối với sự hình thành và phát triển nhân cách còn tùy thuộc vào lập trường, quan điểm, thái độ của cá nhân đối với các ảnh hưởng đó, cũng như tùy thuộc vào xu hướng và năng lực, vào mức độ của cá nhân tham gia cải biến môi trường.